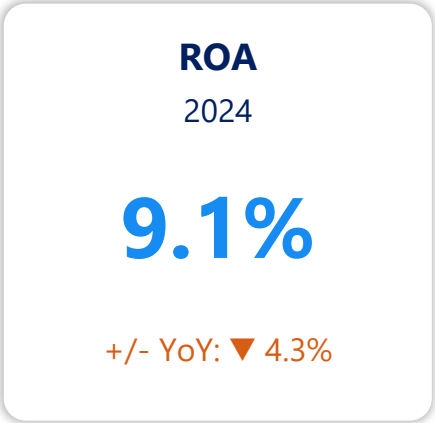
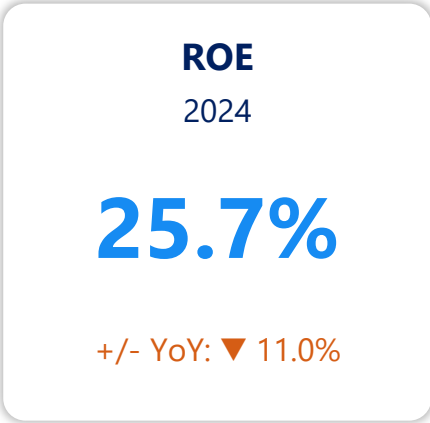
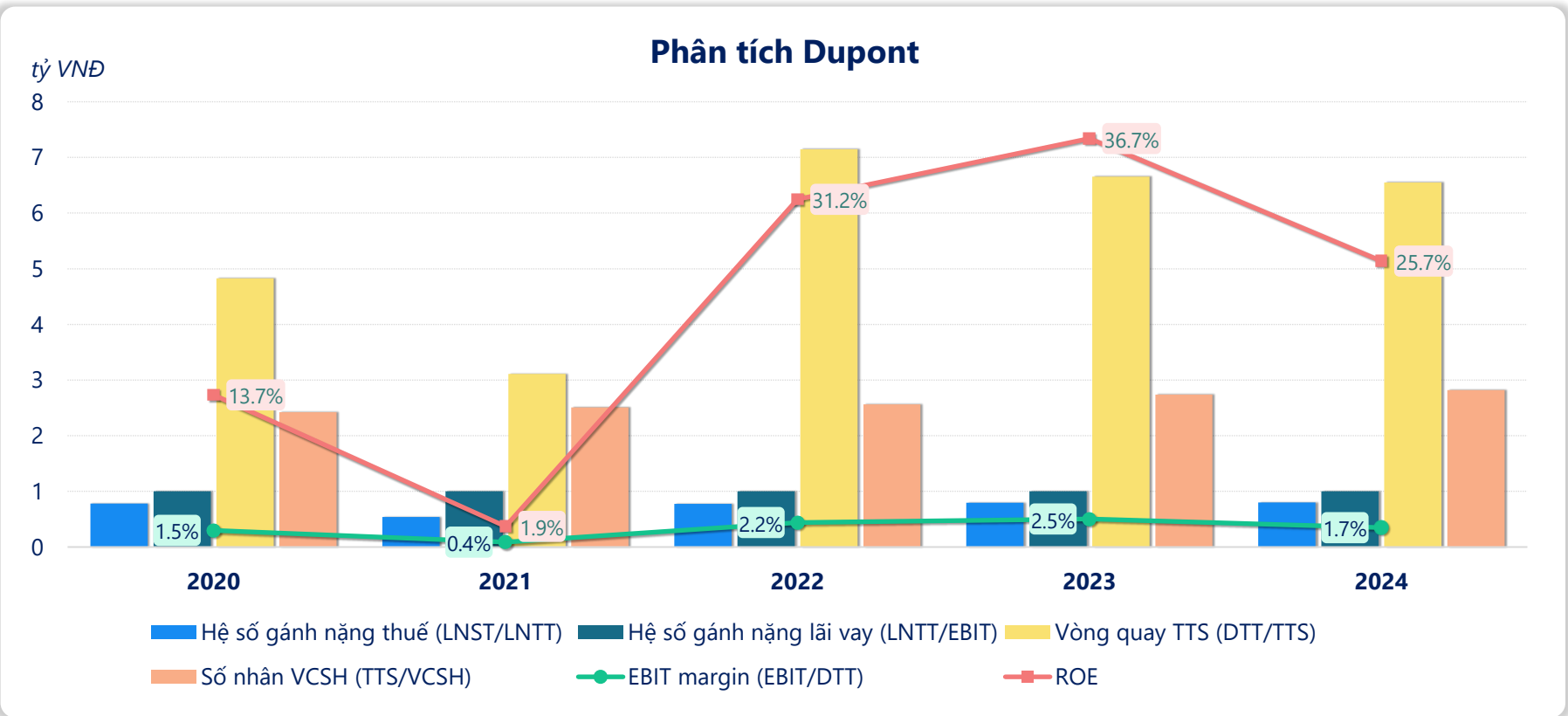
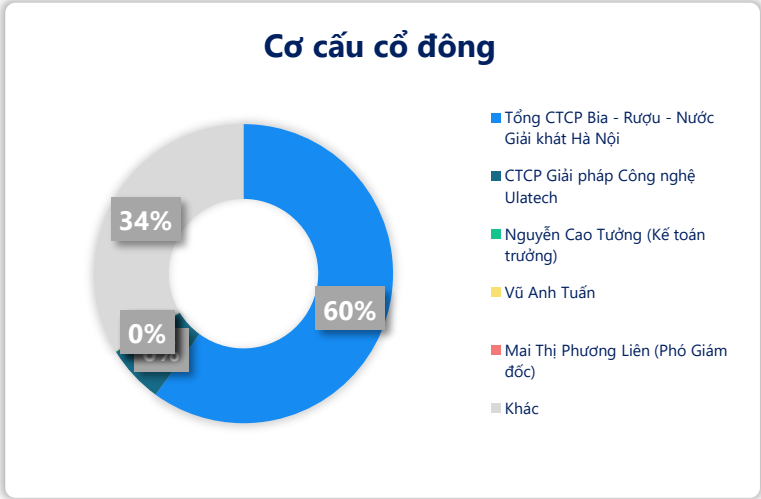


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

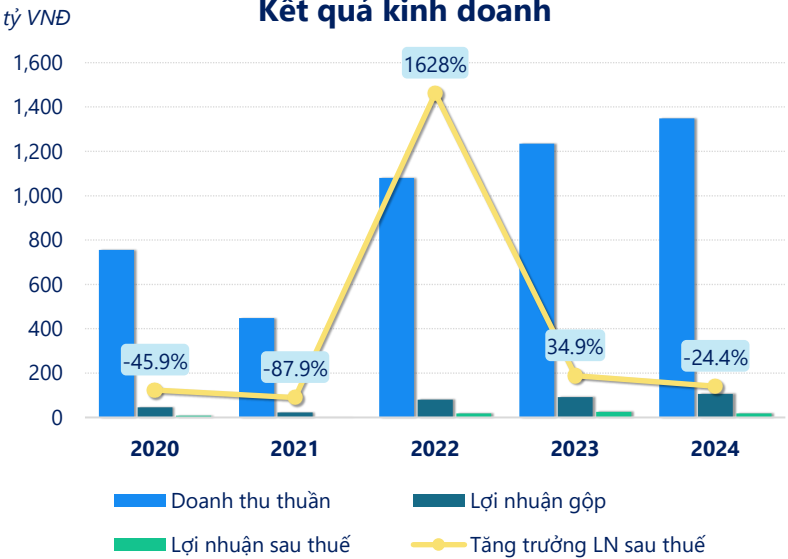
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		41,900
Sàn giao dịch		HNX
Khoảng giá 52 tuần		36,286 - 48,757
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		131
Số lượng CPLH (CP)		3,123,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		340
Sở hữu nước ngoài		5.0%
Beta		(0.77)
EPS		6,124
P/E		6.8

	YTD	1T	3T	6T
HAT		-0.2%	4.5%	-4.9%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%



CTCP Thương mại Bia Hà Nội (HNX: HAT)

Kết quả kinh doanh

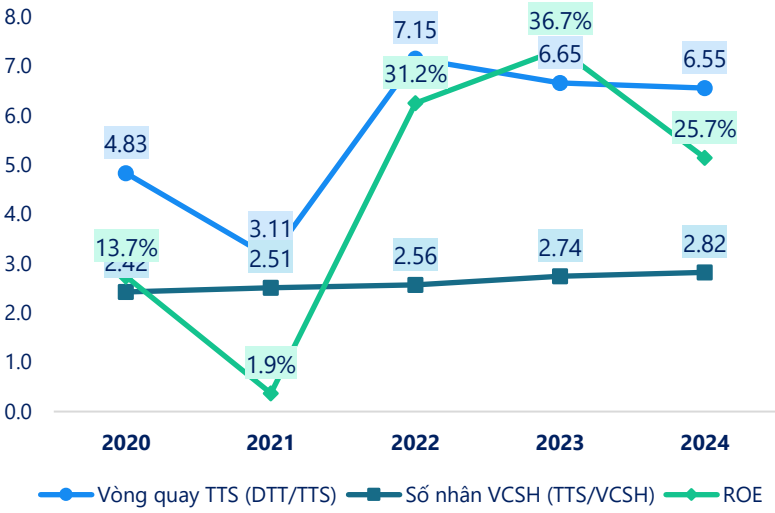


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **giảm xuống** còn **1.74%**, phản ánh mức độ suy giảm trong hiệu suất hoạt động của công ty.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.80**, **tăng** so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Sự duy trì của hệ số gánh nặng lãi vay ở mức **1.00** so với năm trước có thể là tín hiệu về sự ổn định trong quản lý chi phí lãi vay và lợi nhuận, giúp tạo ra một cấu trúc tài chính ổn định và bền vững.

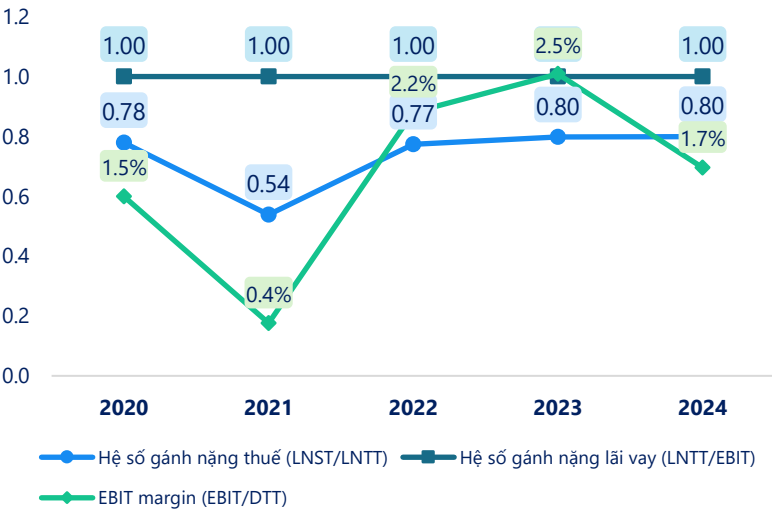
Vòng quay tài sản và ROE



Năm **2024**, **HAT** ghi nhận doanh thu thuần **1,349** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **18.76** tỷ đồng, lần lượt **tăng 9.33%** và **giảm 24.4%** so với năm trước.

Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **25.7%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

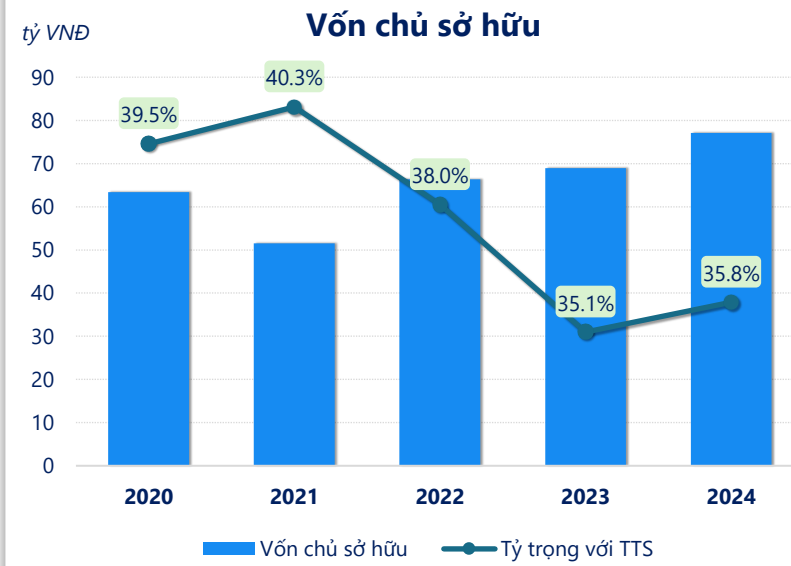
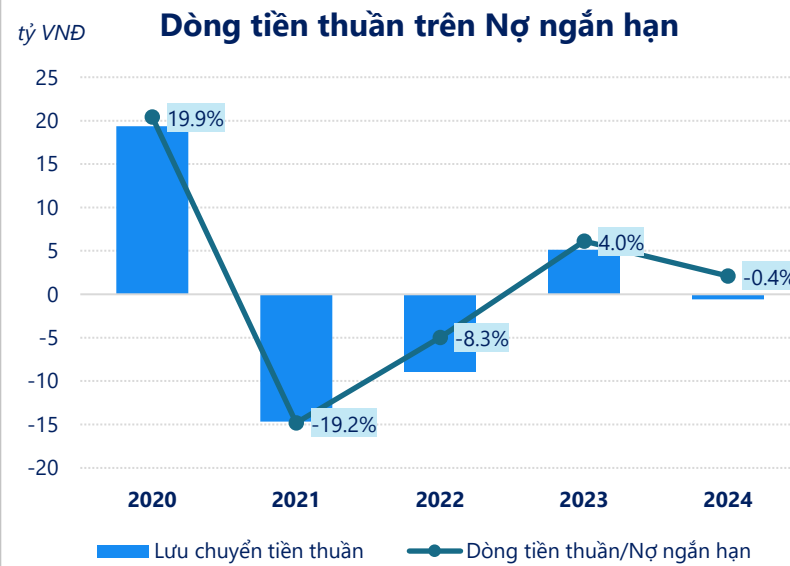
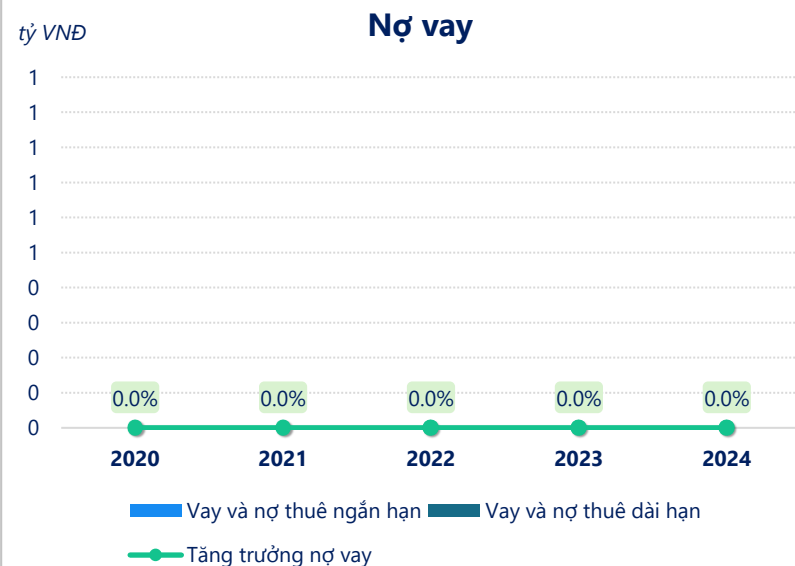
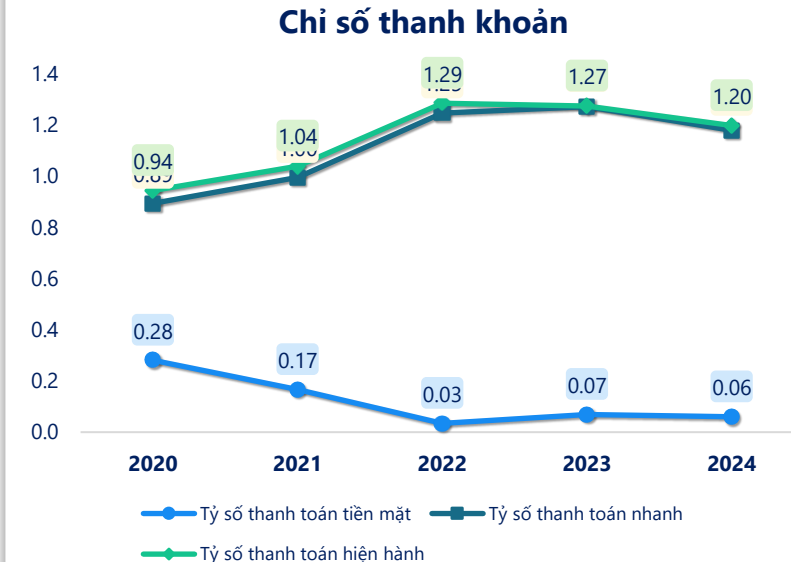
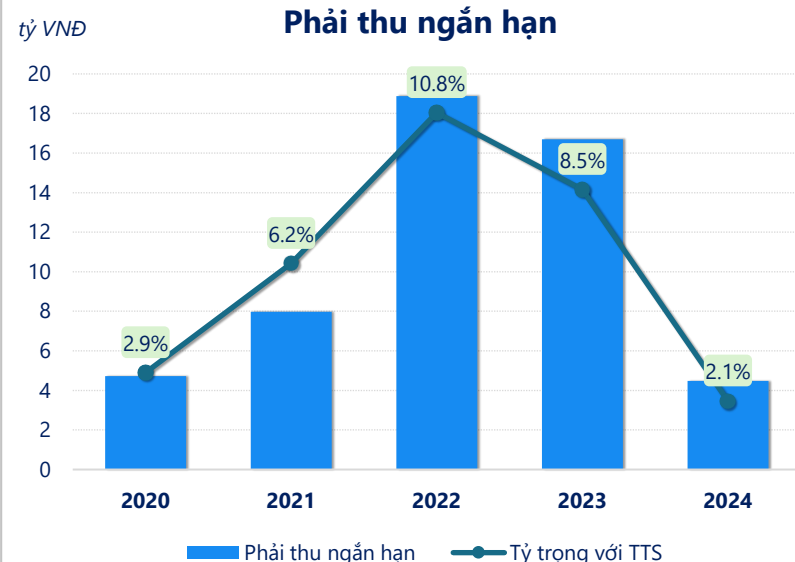


Vòng quay tổng tài sản đạt **6.55**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **tăng lên** đến **2.82** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH cao hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Thương mại Bia Hà Nội (HNX: HAT)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	214	197	9.1%
Tài sản ngắn hạn	165	163	1.6%
Tiền và tương đương tiền	8.26	8.83	-6.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	140	135	3.7%
Phải thu ngắn hạn	4.48	16.7	-73.2%
Hàng tồn kho	2.60	0.31	733%
Tài sản ngắn hạn khác	9.83	1.73	467%
Tài sản dài hạn	49.2	34.0	44.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	14.1	14.7	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	7.50	7.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	27.6	11.7	135%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	137	128	7.3%
Nợ ngắn hạn	137	128	7.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	15.2	15.8	-4.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	77.4	69.0	12.3%
Vốn chủ sở hữu	77.4	69.0	12.3%
Vốn điều lệ	31.2	31.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	756	449	1,080	1,234	1,349
Giá vốn hàng bán	711	426	1,000	1,142	1,243
Lợi nhuận gộp	45.0	22.7	80.0	91.7	106
Doanh thu HĐTC	5.81	4.28	4.89	9.65	6.65
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	23.4	18.4	38.3	48.7	68.1
Chi phí QLDN	18.2	12.9	25.4	24.6	22.5
LN thuần từ HĐKD	9.16	-4.31	21.2	28.1	21.9
Lợi nhuận khác	2.17	6.28	2.59	3.02	1.56
LN trước thuế	11.3	1.98	23.8	31.1	23.5
Lợi nhuận sau thuế	8.83	1.07	18.4	24.8	18.8
LNST của CĐ cty mẹ	8.83	1.07	18.4	24.8	18.8

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.99	-10.4	43.8	35.0	8.72
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	32.4	1.83	-51.2	-17.6	-0.14
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.11	-6.12	-1.55	-12.2	-9.16
Tiền đầu kỳ	7.99	27.3	12.7	3.71	8.83
Lưu chuyển tiền thuần	19.3	-14.7	-8.95	5.12	-0.58
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.3	12.7	3.71	8.83	8.26